TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/KDTM-ST
Ngày 16 - 7 - 2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CÔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Chuyết
Ông Phạm Hồng Thái
- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngát – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trực Ninh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Phượng - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2021/TLST-KDTM ngày 07/04/2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 06 năm 2021, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP QD (NCB); Địa chỉ: Số 28C-28D B, phường H, quận H, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP QD: Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1966; Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Dũng: Ông Thiệu Ánh D, sinh năm 1970; Chức vụ: Giám đốc Trung tâm xử lý nợ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Thiệu Ánh D: Bà Đào Thị Minh N, sinh năm 1974; Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1978
Bà Đinh Thị H, sinh năm 1980
Cùng địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên toà: Có mặt bà N; Vắng mặt bà H và ông T đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Ngân hàng TMCP QD, bản tự khai và biên bản hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Đào Thị Minh N trình bày:

Ông Phạm Văn T và bà Đinh Thị H đã ký các Hợp đồng với Ngân hàng TMCP QD – Chi nhánh Hà Nội, cụ thể như sau:

Hợp đồng cho vay kiêm Khế ước nhận nợ số 295/18/HĐCV-9332 ngày 14/09/2018, số tiền vay: 628.000.000 đồng. Ông Phạm Văn T và bà Đinh Thị H đã nhận giải ngân số tiền là 628.000.000 đồng. Mục đích vay: Mua ô tô; Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất vay theo Hợp đồng.

Hợp đồng thế chấp số 295/18/HĐTC-9332 ngày 14/09/2018: Tài sản bảo đảm (TSBĐ): Xe VEAM, loại xe ôtô tải, 02 chỗ ngồi, màu xanh, số khung: RN1K2F24CTR00215, số máy: A0407307, biển số 18C-088.84, chủ xe: Phạm Văn T theo Giấy đăng ký xe ôtô số 019751 do Đội ĐKQL xe - Phòng cảnh sát giao thông ĐB-ĐS Công an tỉnh Nam Định cấp ngày 12/09/2018; Giá trị tài sản bảo đảm thời điểm phát vay: 898.800.000 VNĐ.

- TSĐB trên NCB đã xử lý xong nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Phạm Văn T và bà Đinh Thị H không thực hiện việc trả nợ theo như cam kết trong hợp đồng kiêm khế ước nhận nợ nêu trên. Ngân hàng đã gửi thông báo yêu cầu ông Phạm Văn T và bà Đinh Thị H trả nợ nhưng ông T và bà H không thực hiện được mà chỉ có 02 tháng ông T, bà H trả được tiền gốc là 20.934.000đ và tiền lãi 13.014.755đ, sau đó ông T và bà H đã thông báo cho NCB biết không trả nợ được và đã tự nguyện bàn giao xe cho NCB xử lý thu hồi nợ. NCB đã bán đấu giá thành TSBĐ là chiếc xe trên, theo thủ tục bán đấu giá và số tiền bán xe được thu vào nợ gốc với số tiền là 288.566.000 đồng. Đến nay ông Phạm Văn T và bà Đinh Thị H không trả được khoản nợ còn lại cho NCB.

Tại buổi hòa giải ngày 05 tháng 5 năm 2021, bà và ông T đã thống nhất số nợ: Tạm tính đến ngày 14/04/2021 vợ chồng ông T, bà H còn nợ Ngân hàng QD, cụ thể: Nợ gốc 318.500.000 đồng; Nợ lãi 129.773.563 đồng; Phạt gốc quá hạn 29.178.553 đồng; Phạt lãi quá hạn 18.585.571 đồng. Tổng 496.037.687 đồng. Ông T có ý kiến và đưa ra lý do: Hiện nay do dịch bệnh và làm ăn thua lỗ nên vợ chồng ông nhận trả dần số tiền gốc, mỗi tháng trả 10.000.000 đồng cho đến khi trả xong số tiền gốc, còn lại toàn bộ các khoản tiền lãi, tiền phạt ông T xin Ngân hàng miễn giảm cho ông, nhưng NCB không đồng ý. Ngân hàng TMCP QD (NCB) yêu cầu vợ chồng ông Phạm Văn T và bà Đinh Thị H phải có trách nhiệm trả số tiền còn nợ NCB, tạm tính đến ngày

14/04/2021: Nợ gốc 318.500.000 đồng; Nợ lãi 129.773.563 đồng; Phạt gốc quá hạn 29.178.553 đồng; Phạt lãi quá hạn 18.585.571 đồng. Tổng 496.037.687 đồng. Yêu cầu ông T, bà H trả lãi phát sinh trong hạn và lãi quá hạn được thỏa thuận theo hợp đồng cho vay kiêm Khế ước nhận nợ số 295/18/HĐCV- 9332 ngày 14/09/2018 đến khi thanh toán hết khoản nợ cho NCB.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 05/5/2021, ông Phạm Văn T trình bày: Ông xác nhận nội dung vụ việc như đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP QD và lời trình bày nêu trên của bà Đào Thị Minh N, ông đã nhận được các thông báo của Ngân hàng về việc trả nợ cũng như đấu giá xe VEAM và Ngân hàng khởi kiện đòi vợ chồng ông trả khoản tiền còn nợ Ngân hàng. Tạm tính đến ngày 14/4/2021, vợ chồng ông còn nợ Ngân hàng TMCP QD tổng số tiền là 496.037.687 đồng. Quá trình vay tiền của Ngân hàng vợ chồng ông không thực hiện được việc trả nợ theo hợp đồng, ông cũng đã thông báo cho Ngân hàng biết và Ngân hàng đã thu hồi xe để bảo đảm tài sản thế chấp, khi Ngân hàng bán đấu giá xe cũng có thông báo cho ông biết. Nay do làm ăn thua lỗ, hơn nữa hiện nay dịch bệnh không đi làm được nên vợ chồng ông nhận trả dần Ngân hàng TMCP QD số tiền gốc mỗi tháng trả 10.000.000đ cho đến khi trả xong số tiền gốc, còn toàn bộ các khoản tiền lãi ông xin Ngân hàng miễn, giảm cho vợ chồng ông.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 30 tháng 6 năm 2021 của bà Phạm Thị H trình bày: Do bận công việc nên bà đã ủy quyền cho chồng bà là ông Phạm Văn T làm việc với Tòa án, bà cũng nhất trí như ý kiến của chồng bà đã trình bày với Tòa án.

Tại phiên tòa:

* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Bà Đào Thị Minh N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Vợ chồng ông Phạm Văn T và bà Đinh Thị H đã ký Hợp đồng cho vay kiêm Khế ước nhận nợ số 295/18/HĐCV-9332 ngày 14/09/2018 với NCB, số tiền vay: 628.000.000 đồng (Sáu trăm hai mươi tám triệu đồng) và Hợp đồng thế chấp số 295/18/HĐTC-9332 ngày 14/09/2018: Tài sản bảo đảm (TSBĐ): Xe VEAM, loại xe ôtô tải 02 chỗ ngồi nêu trên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Phạm Văn T và bà Đinh Thị H không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong hợp đồng và tự nguyện giao xe cho NCB xử lý thu hồi nợ. NCB đã làm thủ tục bán đấu giá xe theo quy định, số tiền bán xe với giá là 355.107.000 đồng, trừ các chi phí cho việc xử lý đấu giá xe gồm: Chi phí gửi giữ xe 29,590.000đ; Chi phí thẩm định giá 3.850.000đ; Chi phí cẩu kéo xe 5.500.000đ; chi phí đấu giá 27.601.000đ. Tổng là 66.541.000 đồng, còn lại 288.566.000 đồng NCB đã xử lý thu hồi vào nợ gốc.

TSĐB là chiếc Xe VEAM nêu trên, NCB đã xử lý xong nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nay Ngân hàng TMCP QD (NCB) yêu cầu vợ chồng ông Phạm Văn T và bà Đinh Thị H phải có trách nhiệm trả số tiền còn nợ Ngân hàng TMCP QD (NCB), tính đến ngày 16/7/2021 gồm các khoản tiền cụ thể: Tiền gốc 318.500.000 đồng; Tiền lãi 139.751.000 đồng; Phạt gốc quá hạn 30.280.490 đồng; Phạt lãi quá hạn 22.239.024 đồng. Tổng cộng là 510.770.524 đồng *(Năm trăm mười triệu bảy trăm bảy mươi nghìn năm trăm hai mươi bốn đồng).*

- Buộc ông Phạm Văn T và bà Đinh Thị H phải thanh toán cho NCB số tiền lãi được thỏa thuận theo Hợp đồng cho vay kiêm Khế ước nhận nợ số 295/18/HĐCV-9332 ngày 14/09/2018 kể từ ngày 17/7/2021 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

- Kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực thi hành, nếu ông Phạm Văn T và bà Đinh Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì NCB có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, phát mại tài sản, tài khoản thuộc quyền sở hữu của ông T và bà H để thanh toán khoản nợ.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đã thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS. Đối với nguyên đơn; Từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Bị đơn bà H; Quá trình tố tụng chưa chấp hành đúng các điều Điều 70, Điều 72 BLTTDS, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, phiên tòa các bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt là đúng theo quy định tại các Điều 227; Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 463, Điều 466 BLDS, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP QD đối với ông Phạm Văn T và bà Đinh Thị H về việc yêu cầu ông T, bà H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP QD số tiền nợ gốc 318.500.000 đồng; Tiền lãi 139.751.000 đồng; Phạt gốc quá hạn 30.280.490 đồng; Phạt lãi quá hạn 22.239.024 đồng, tổng cộng là 510.770.524 đồng *(Năm trăm mười triệu bảy trăm bảy mươi nghìn năm trăm hai mươi bốn đồng).*

Áp dụng Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH/14, đề nghị Tòa án tuyên án phí theo quy định.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Quan hệ pháp luật: Xét thấy bị đơn là ông Phạm Văn T và bà Đinh Thị H vay tiền Ngân hàng TMCP QD để mua ô tô VEAM, tài sản bảo đảm là xe ô tô VEAM. Ông T và bà H không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Do đó, cần xác định đây là vụ án tranh chấp dân sự "Hợp đồng tín dụng".

Tại phiên tòa hôm nay ông T, bà H vắng mặt đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt ông T, bà H là đúng theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về Hợp đồng cho vay kiêm Khế ước nhận nợ số 295/18/HĐCV- 9332 ngày 14/09/2018.

HĐXX xét thấy; Việc ký hợp đồng giữa Ngân hàng TMCP QD với ông Phạm Văn T và bà Đinh Thị H, các văn bản, điều khoản, phụ lục của hợp đồng đều thể hiện ý chí tự nguyện của các bên. Nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội; Hình thức của hợp đồng đảm bảo, đủ điều kiện theo quy định, nên hợp đồng cho vay kiêm Khế ước nhận nợ số 295/ 18/HĐCV- 9332 ngày 14/09/2018, được ký kết giữa Ngân hàng TMCP QD với ông Phạm Văn T và bà Đinh Thị H là hợp pháp, các bên đều phải có nghĩa vụ, thực hiện.

- Về quá trình thực hiện hợp đồng và thu hồi nợ, bán đấu giá tài sản:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T, bà H đã trả NCB số tiền gốc là 20.934.000đ, tiền lãi 13.014.755đ, sau đó ông T, bà H không thực hiện được việc trả nợ theo cam kết trong hợp đồng. Ngân hàng TMCP QD đã nhiều lần thông báo cho ông T, bà H về việc thu hồi nợ và đến Ngân hàng TMCP QD để giải quyết việc vay nợ theo hợp đồng nêu trên, nhưng ông T, bà H không đến, sau đó đã bàn giao xe VEAM là tài sản bảo đảm cho NCB để xử lý thu hồi nợ. NCB đã làm thủ tục bán đấu giá xe theo quy định, số tiền bán xe với giá là 355.107.000 đồng, trừ các chi phí cho việc xử lý đấu giá xe với tổng số tiền là 66.541.000 đồng, còn lại 288.566.000 đồng NCB đã xử lý thu hồi vào nợ gốc, đến nay ông T và bà H không trả được khoản nợ còn lại cho NCB.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, ông T có lời khai xác nhận, ông đã nhận được các thông báo của Ngân hàng về việc trả nợ cũng như đấu giá xe VEAM và Ngân hàng khởi kiện ông đòi trả số tiền còn nợ Ngân hàng.

Như vậy; Ngân hàng TMCP QD đã thực hiện đầy đủ việc thông báo yêu cầu thu hồi nợ đối với ông Phạm Văn T và bà Đinh Thị H.

- Về yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án: Hợp đồng cho vay kiêm Khế ước nhận nợ số 295/18/HĐCV-9332 ngày 14/09/2018 và Hợp đồng thế chấp số

295/18/HĐTC-9332 ngày 14/09/2018; Hồ sơ chi phí thẩm định giá xe VEAM là TSBĐ; Bảng tính lãi và gốc đến hết ngày 16/7/2021. Mặt khác lời khai của các bên phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Nay Ngân hàng TMCP QD (NCB) yêu cầu vợ chồng ông Phạm Văn T và bà Đinh Thị H phải có trách nhiệm trả số tiền còn nợ Ngân hàng TMCP QD (NCB), tính đến ngày 16/7/2021 gồm các khoản tiền cụ thể: Tiền gốc 318.500.000 đồng; Tiền lãi 139.751.000 đồng; Phạt gốc quá hạn 30.280.490 đồng; Phạt lãi quá hạn 22.239.024 đồng. Tổng cộng là 510.770.524 đồng *(Năm trăm mười triệu bẩy trăm bẩy mươi nghìn năm trăm hai mươi bốn đồng)* là có căn cứ chấp nhận. Buộc ông Phạm Văn T, bà Đinh Thị H có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng TMCP QD, tổng số tiền là 510.770.524 đồng**.**

- Về tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô VEAM nêu trên, Ngân hàng TMCP QD đã xử lý xong, các đương sự không có tranh chấp yêu cầu tòa án xem xét giải quyết nên không đặt ra.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên được hoàn trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 317, 318, 319, 463, 466 Bộ luật dân sự; khoản 16 Điều 4, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP QD đối với Hợp đồng cho vay kiêm Khế ước nhận nợ số 295/18/HĐCV- 9332 ngày 14/09/2018, giữa Ngân hàng TMCP QD và ông Phạm Văn T, bà Đinh Thị H.

Buộc vợ chồng ông Phạm Văn T, bà Đinh Thị H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP QD toàn bộ số tiền còn nợ của hợp đồng cho vay kiêm Khế ước nhận nợ số 295/18/HĐCV- 9332 ngày 14/09/2018, tính đến ngày 16/7/2021, tổng số tiền là 510.770.524 đồng (*Năm trăm mười triệu bẩy trăm bẩy mươi nghìn năm trăm hai mươi bốn đồng),* trong đó: Tiền gốc 318.500.000 đồng; Tiền lãi 139.751.000 đồng; Phạt gốc quá hạn; 30.280.490 đồng; Phạt lãi quá hạn 22.239.024 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, ông Phạm Văn T và bà Đinh Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho vay kiêm Khế ước nhận nợ số 295/18/HĐCV-9332 ngày 14/09/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Phạm Văn T, bà Đinh Thị H phải nộp 24.430.000 đồng.

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP QD số tiền 11.650.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền số AA/2019/0002375 ngày 07/04/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Ngân hàng TMCP QD có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Phạm Văn T và bà Đinh Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Thu